TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/DS-ST
Ngày: 15-8-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ - TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thành Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Phới.

2. Ông Đặng Lễ Nghi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đức Trọn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh mở phiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2024/TLST – DS ngày 15 tháng 4 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐST-DS, ngày 05 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 2, phố L, phường T, quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Từ Bá T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - chi nhánh huyện C. Theo văn bản ủy quyền số 2664/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022.

Ông Từ Bá T ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Lâm Tuấn K, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N - chi nhánh huyện C theo văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 4 năm 2024 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Thạch R, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện K, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/9/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Lâm Tuấn K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/8/2019 Ngân hàng N - chi nhánh huyện C có ký kết hợp đồng tín dụng số 7403LAV201902619 với ông Thạch R để ông R vay vốn số tiền vay là 120.000.000 đồng, mục đích vay là để nuôi bò sinh sản. Trong quá trình vay vốn tại Ngân hàng ông Thạch R đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cụ thể ông R không trả tiền vốn gốc và lãi cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng N yêu cầu ông Thạch R phải trả cho Ngân hàng số tiền vay vốn còn nợ tính đến ngày 15/8/2024 là 184.718.311 đồng, trong đó vốn gốc là: 120.000.000 đồng, lãi 64.718.311 đồng, trong đó lãi trong hạn là 47.862.904 đồng, lãi quá hạn là 12.121.589 đồng, lãi chậm trả 4.733.818 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày 16/8/2024 cho đến khi ông Thạch R trả hết nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Bị đơn ông Thạch R: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án vắng mặt nên không có lời khai trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Thạch R vắng mặt từ khi thụ lý đến khi xét xử và Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông R.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N buộc ông Thạch R trả cho Ngân hàng N số tiền vay vốn còn nợ tính đến ngày 15/8/2024 là 184.718.311 đồng, trong đó vốn gốc là: 120.000.000 đồng, lãi 64.718.311 đồng, trong đó lãi trong hạn là 47.862.904 đồng, lãi quá hạn là 12.121.589 đồng, lãi chậm trả 4.733.818 đồng. Kể từ ngày 16/8/2024, ông Thạch R còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên.

Về án phí: đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn mục đích vay để nuôi bò sinh sản nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp dân sự và quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Căn cứ hợp đồng cho vay số 7403LAV201902619 ngày 15/8/2019, bị đơn cư trú tại ấp Châu Hưng, xã Châu Điền, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quá trình tống đạt các văn bản của Tòa án: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn, tuy nhiên ông R không có mặt ở địa phương nên Tòa án đã không thực hiện được việc tống đạt các văn bản tố tụng cho ông R. Qua xác minh chính quyền địa phương thì ông R có đăng hộ khẩu thường trú tại ấp Châu Hưng, xã Châu Điền, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh nhưng đã bỏ đi khỏi địa phương trước khi Tòa án thụ lý vụ án cũng không ai biết địa chỉ ở đâu. Do ông R vắng mặt tại nơi cư trú không rõ địa chỉ nơi cư trú mới của ông R nên Tòa án tiến hành lập biên bản về việc không thực hiện được việc cấp tống đạt, có xác nhận của chính quyền địa phương và thực hiện thủ tục niêm yết công khai tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án đúng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 7403LAV201902619 ngày 15/8/2019 Ngân hàng khởi kiện ông Thạch R đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông R theo hợp đồng cho vay nhưng do ông R thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng biết nơi cư trú mới thì được coi như ông R cố tình giấu địa chỉ nên căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông R là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp: Hợp đồng tín dụng số 7403LAV201902619 ngày 15/8/2019 được ký kết giữa Ngân hàng N với ông Thạch R được lập thành văn bản việc ký kết giữa Ngân hàng và ông Thạch R hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật khi giao kết được quy định tại các Điều 116, 117 và Điều 119 của Bộ luật dân sự 2015 nên hợp đồng trên hợp pháp và có hiệu luật pháp luật các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Về quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi ký kết hợp đồng vay vốn Ngân hàng đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng đã thực hiện việc giải ngân theo cam kết cho ông Thạch R với số tiền 120.000.000 đồng. Tuy nhiên ông R đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, khi đến hạn nhưng ông R không trả được gốc và lãi cho Ngân hàng; mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc

nhở. Do đó việc Ngân hàng yêu cầu ông Thạch R trả số tiền nợ tính đến ngày 15/8/2024 là 184.718.311 đồng, trong đó vốn gốc là: 120.000.000 đồng, lãi 64.718.311 đồng, trong đó lãi trong hạn là 47.862.904 đồng, lãi quá hạn là 12.121.589 đồng, lãi chậm trả 4.733.818 đồng theo hợp đồng tín dụng số 7403LAV201902619 ngày 15/8/2019, ông Thạch R còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận cho đến khi trả nợ xong cho Ngân hàng là phù hợp theo qui định tại khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 7, khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số qui định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm; Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Thạch R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 72, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 116, 117, 119 Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi lãi suất phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngà 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc ông Thạch R phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N tổng số tiền gốc và lãi còn nợ tính đến ngày 15/8/2024 với tổng số tiền là 184.718.311 đồng, trong đó vốn gốc là: 120.000.000 đồng, lãi 64.718.311 đồng, trong đó lãi trong hạn là 47.862.904 đồng, lãi quá hạn là 12.121.589 đồng, lãi chậm trả 4.733.818 đồng.

Kể từ ngày 16/8/2024, ông Thạch R còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 7403LAV201902619 ngày 15/8/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Thạch R phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Thạch R phải chịu 9.235.915 đồng. Ngân hàng N không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng N 4.087.858 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0000868 ngày 10/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- CC.THA-DS huyện Cầu Kè;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thành Tú